

Số: 101/2024/QĐST-DS

Thành phố B, ngày 23 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 15/10/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

+ Nguyên đơn: **Lê Văn T**, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền của ông T.

+ Bị đơn: **Lê Công L1**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số F, đường P, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lê Thị Kim L2**, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Lê Văn P**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Số F, đường P, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Lê Văn K**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số F, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Lê Long H**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Lê Thị Kim Đ**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số H, đường số B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Trần Thị Ngọc M**, sinh năm: 1974.

- Chị **Lê Tường V**, sinh năm: 2002.

- Chị **Lê Khánh N**, sinh năm: 2007.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo uỷ quyền đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Ngọc M là người đại diện theo uỷ quyền của chị V và người đại diện hợp pháp của chị N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T và ông Lê Long H: Luật sư **Quảng Khoa Toàn** – Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Phần di sản của ông Lê Văn P1 và bà Lương Thị T1 để lại là phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 04, diện tích 310,6m<sup>2</sup> tại số F, đường P, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn P1 đứng tên quyền sử dụng đất ngày 09/3/2021. Trên đất có nhà và công trình kiến trúc. Hàng thừa kế của ông Lê Văn P1 và bà Lương Thị T1 gồm 08 kỹ phần: Bà Lê Thị Kim L2, ông Lê Văn P, ông Lê Văn T, ông Lê Văn K, ông Lê Long H, ông Lê Văn L3 (chết) có 02 con là Lê Tường V và Lê Khánh N, bà Lê Thị Kim Đ, ông Lê Công L1.

2.2. Bà Lê Thị Kim L2, ông Lê Văn P, ông Lê Văn T, ông Lê Văn K, ông Lê Long H, chị Lê Tường V và chị Lê Khánh N, bà Lê Thị Kim Đ, ông Lê Công L1 cùng đứng tên quyền sử dụng đất và được trọn quyền quản lý, sử dụng đất, nhà, toàn bộ công trình kiến trúc trên đất theo đo đạc thực tế, ký hiệu hồ sơ đo đạc ngày 27/9/2024 có diện tích chung 310,6 m<sup>2</sup> thuộc: Thửa 17A, diện tích 11,4m<sup>2</sup>, thửa 17B, diện tích 48,4m<sup>2</sup>, thửa 17C, diện tích 165,8m<sup>2</sup>, thửa 17D, diện tích 4,3m<sup>2</sup>, thửa 17E, diện tích 69,5m<sup>2</sup>, thửa 17F, diện tích 11,2m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 04, loại đất ở đô thị toạ lạc tại phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Kiến nghị Cơ quan quản lý hành chính về đất đai có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh lại Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 314143, số vào sổ cấp GCN: CS01391 đối với thửa đất số thửa đất số 17, tờ bản đồ số 04, diện tích 310,6m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị tại phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre đã cấp cho ông Lê Văn P1 đứng tên quyền sử dụng đất ngày 09/3/2021 chuyển sang cho bà Lê Thị Kim L2, ông Lê Văn P, ông Lê Văn T, ông Lê Văn K, ông Lê Long H, chị Lê Tường V và chị Lê Khánh N, bà Lê Thị Kim Đ, ông Lê Công L1 cùng đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà Lê Thị Kim L2, ông Lê Văn P, ông Lê Văn T, ông Lê Văn K, ông Lê Long H, chị Lê Tường V và chị Lê Khánh N, bà Lê Thị Kim Đ, ông Lê Công L1 có quyền liên hệ với Cơ quan quản lý hành chính về đất đai có thẩm quyền để đăng ký, kê khai và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

*(Phần đất có thể hiện theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 27/9/2024 kèm theo)*

2.3. Ghi nhận việc bà Lê Thị Kim L2, ông Lê Văn P, ông Lê Văn T, ông Lê Văn K, ông Lê Long H, chị Lê Tường V và chị Lê Khánh N, bà Lê Thị Kim Đ, ông Lê Công L1 không có tranh chấp và yêu cầu giải phần thửa đất ký hiệu hồ sơ đo đạc ngày 27/9/2024 là thửa A, diện tích 4,2m<sup>2</sup> (phần nhà tạm nằm trên phần đất mương công cộng).

2.4. Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, định giá là: 14.297.050 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm chín*

mười bảy nghìn không trăm năm mươi đồng). Ông Lê Văn T tự nguyện chịu là 3.797.050 đồng ghi nhận ông T đã nộp xong. Bà Lê Thị Kim L2, ông Lê Văn P, ông Lê Công L1, ông Lê Văn K, ông Lê Long H, bà Lê Thị Kim Đ mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng. Chị Lê Tường V và chị Lê Khánh N phải liên đới chịu là 1.500.000 đồng. Do ông T đã nộp số tiền trên nên bà L2, ông P, ông K, ông H, ông L1, bà Đ mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho ông Thông số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Chị V và chị N có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Thông số tiền là: 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Kim L2, ông Lê Văn P được giảm án phí và tạm ứng án phí do thuộc diện người cao tuổi.

+ Ông Lê Văn K, ông Lê Long H, bà Lê Thị Kim Đ, ông Lê Công L1 mỗi người có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là: 15.053.000 đồng (*mười lăm triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

+ Chị Lê Tường V và chị Lê Khánh N có nghĩa vụ nộp liên đới nộp số tiền án phí là: 15.053.000 đồng (*mười lăm triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thúy Hằng**